

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Xã Phường	Tổng cộng	Trong đó				Ghi chú
			Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ	BHYT, BHXH cho người hoạt động không chuyên trách thôn, khu phố, tổ dân phố	Trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP	Kinh phí chi phụ cấp Ban chỉ đạo 35	
Tổng cộng		12.963	5.591	6.065	732	575	
1	Phường Quy Nhơn Bắc	60				60	
2	Xã Nhơn Châu	299	256	43			
3	Phường An Nhơn Đông	30	30				
4	Xã An Nhơn Tây	110	42	68			
5	Phường Hoài Nhơn	419	373			46	
6	Phường Tam Quan	415	105	254		56	
7	Phường Hoài Nhơn Đông	1.005	829	176			
8	Phường Hoài Nhơn Bắc	890	419	393		78	
9	Xã Ngô Mỹ	51				51	
10	Xã Cát tiến	180		129		51	
11	Xã Hòa Hội	46				46	
12	Xã Phù Mỹ	786	489	297			
13	Xã Phù Mỹ Đông	1.082	683	399			
14	Xã Phù Mỹ Tây	248	111	137			
15	Xã Phù Mỹ Bắc	691	273	367		51	
16	Xã Tuy Phước	664	165	499			
17	Xã Tây Sơn	261		261			
18	Xã Bình Hiệp	205		205			
19	Xã Kim Sơn	354	179	97		78	
20	Xã Vạn Đức	163	41	64		58	
21	Xã Vĩnh Thịnh	153			153		
22	Xã Vĩnh Sơn	125		125			
23	Xã An Vinh	370			370		
24	Phường Pleiku	1.321	371	741	209		
25	Xã Chư Sê	606	190	416			
26	Xã Bờ Ngoong	152	152				
27	Xã Ia Lâu	453	355	98			
28	Xã Phú Túc	239	78	161			
29	Xã Ia Dreh	123	26	97			
30	Xã Ia Rsai	109		109			
31	Xã Uar	110		110			
32	Xã Ia Dok	60		60			
33	Xã Ia Krái	285		285			
34	Xã Ia Hrug	109		109			
35	Xã Ia Chia	374	201	173			
36	Xã Ia O	351	223	128			
37	Xã Ya Hội	64		64			

PHỤ LỤC 02*(Kèm theo Quyết định số**/QĐ-UBND ngày**/12/2025 của UBND tỉnh)**ĐVT: triệu đồng*

STT	Xã Phường	Tổng cộng	Trong đó			Ghi chú
			Bổ sung quỹ tiền thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức	Kinh phí chi trả tiền lương, phụ cấp, đóng góp cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách từ cấp tỉnh hoặc xã, phường khác chuyển về; kinh phí tăng lương theo quy định	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chi trả chế độ bồi thường tai nạn lao động cho viên chức; chính sách trợ cấp thôi công tác Hội Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP	
Tổng cộng		17.242	14.362	2.207	673	
1	Xã Nhơn Châu	73		73		
2	Phường An Nhơn Đông	273	273			
3	Xã An Nhơn Tây	1.099		1.099		
4	Phường Hoài Nhơn Đông	443		443		
5	Xã Tuy Phước	434	434			
6	Xã Vĩnh Thạnh	128			128	
7	Phường Pleiku	75	75			
8	Xã Biển Hồ	395	395			
9	Xã Mang Yang	268		268		
10	Xã Chư Sê	6.169	6.169			
11	Xã Bờ Ngoong	2.601	2.601			
12	Xã Phú Túc	255		255		
13	Xã Ia Krái	2.367	2.367			
14	Xã Ia Hrug	632	563	69		
15	Xã Ia Chia	894	894			
16	Xã Ia O	591	591			
17	Xã Đak Pơ	545			545	